

SỰ KHÁC NHAU TRONG QUAN NIỆM VÀ CÁCH VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA THỂ TỤC TẠI MỸ VÀ PHÁP: TRƯỜNG HỢP VỤ KHĂN TRÙM ĐẦU, TRONG CÁCH NHÌN CỦA XÃ HỘI HỌC LỊCH SỬ SO SÁNH

MAI ĐẶNG HIỀN QUÂN*

I. Vấn đề nghiên cứu

Ngày 11/12/2003, Hội đồng Stasi gồm 20 viện sĩ và trí thức Pháp đã trình một Báo cáo về Chủ nghĩa thể tục lên Tổng thống Pháp, khi đó là Jacques Chirac. Các nhà lập pháp và hành pháp Pháp đã phê chuẩn đề xuất của Hội đồng này về Luật cấm sinh viên học sinh thể hiện biểu tượng tôn giáo tại trường học. Mục đích đầu tiên của đạo luật mới liên quan đến khăn trùm đầu của những người Hồi giáo, tuy nhiên nó đã lan ra đến cả khăn đội đầu của những người theo đạo Sikh, mũ đội đầu của người Do thái và cây thánh giá của những người theo đạo Thiên chúa. Một trong những điểm chủ yếu của đạo luật mới nêu rõ ràng: “Nghiêm cấm sinh viên thể hiện phô trương các dấu hiệu hoặc trang phục về quan hệ tôn giáo tại các trường tiểu học, trung học và cao học công cộng” (Gunn, 2005).

Một tuần sau tuyên bố của Báo cáo Hội đồng Stasi, Cục Nhà nước Mỹ đã đưa ra Báo cáo thường niên, năm 2003, về Tự do tôn giáo quốc tế. Trong buổi họp báo dịp đó, Đại sứ John Hanford đã trả lời câu hỏi “Phản ứng của ông về lệnh cấm khăn đội đầu của tổng thống Jacques Chirac như thế nào?”. Ông nói: “Nguyên tắc cơ bản về tự do tôn giáo chúng tôi thực hiện tại nhiều nước trên thế giới, gồm cả vấn đề khăn trùm đầu, là mọi người đều có thể thể hiện tôn giáo và tín ngưỡng của họ một cách hòa bình, không có sự can thiệp của chính quyền... Tổng thống Chirac quan tâm đến việc duy trì nguyên tắc chủ nghĩa thể tục ở Pháp và ông ta nhấn mạnh vấn đề duy trì chủ nghĩa thể tục ở Pháp là bất di bất dịch. Còn về phía chúng tôi, chúng tôi coi duy trì tự do tín ngưỡng mới là vấn đề bất di bất dịch. Một lãnh tụ Hồi giáo nói rằng chủ nghĩa thể tục đó đã loại ra ngoài quá nhiều... nhiều nước hạn chế khăn trùm đầu... nơi người ta trùm khăn không phải để khiêu khích, chỉ đơn giản để thể hiện niềm tin chân thành của họ và chúng ta không thấy ở đâu điều đó chia rẽ con người” (trích từ Báo cáo thường niên, năm 2003, về Tự do tôn giáo quốc tế).

Nhiều năm sau, ngày 6/6/2009, tại cuộc họp báo chung, Tổng thống Pháp Sarkozy cũng đã tỏ thái độ bất đồng về việc Tổng thống Mỹ Obama kêu gọi tôn trọng quyền mang khăn trùm đầu của phụ nữ Hồi giáo. Obama phê phán các nước phương Tây cấm mang khăn trùm đầu và một phần trong lý luận của ông dựa vào các luận điểm của một số tổ chức về quyền phụ nữ ở Pháp: “Điều quan trọng là các nước phương Tây nên tránh việc ngăn cản các công dân Hồi giáo thể hiện tôn giáo của họ khi họ thấy điều đó là thích hợp - chẳng hạn, bằng cách quy định xem phụ nữ Hồi giáo

* Sinh viên Khoa Xã hội học, Đại học Bates, Mỹ

phải mặc gì ? Chúng ta không thể che dấu sự thù địch đối với bất cứ tôn giáo nào dưới cái vỏ chủ nghĩa tự do. Tôi không chịu trách nhiệm về thái độ của các nước khác đối với cách làm này. Tôi nói với các vị rằng, ở nước Mỹ, thái độ của chúng tôi là chúng tôi không định nói với mọi người là họ phải mặc gì” - Obama nói (trích từ New Nation 2009).

Từ các trích dẫn trên, ta thấy có sự khác biệt rõ ràng giữa Mỹ, nơi sinh viên được phép mặc trang phục và mang các biểu tượng tôn giáo ở nhà trường và Pháp, nơi việc đó bị cấm. Điều thú vị là, mặc dù có sự khác biệt về mặt chính sách xung quanh việc cho phép sinh viên thể hiện các biểu tượng tôn giáo tại trường học, cả hai quốc gia này đều là những “quốc gia thế tục”, điều được thể hiện bởi hai tiêu chuẩn chính:

- Các quá trình pháp lý của cả hai quốc gia đều nằm ngoài sự kiểm soát của tôn giáo
- Cả hai quốc gia đều không có tôn giáo chính thức cũng như vô thần (Smith 1999)

Vấn đề là ở chỗ cả Pháp và Mỹ thậm chí còn được coi là nơi bắt đầu sự phát triển của các quốc gia thế tục ngày nay. Các quốc gia thế tục trở thành thế tục hoặc là khi thành lập nhà nước hoặc là khi thế tục hóa nhà nước, giống như trong các phong trào vì “*laïcité*”(quan niệm thế tục ở Pháp), hay vì việc tách nhà thờ khỏi nhà nước ở Mỹ (Baubérot, 2001).

Cho dù động thái của quá trình hoạch định chính sách là thế nào đi nữa, các quốc gia vẫn theo đuổi những con đường riêng và tương đối bền vững trong các chính sách chung của họ đối với tôn giáo (Kuru, 2007). Có một sự khác biệt rất rõ rệt về định tính giữa các chính sách nhà nước đối với tôn giáo tại Mỹ và tại Pháp. Ở Mỹ, sinh viên được phép mặc và thể hiện các biểu tượng tôn giáo và đọc lời thề, bao gồm cả tuyên bố “Một quốc gia, dưới quyền và sự che chở của Chúa”. Câu “Chúng ta tin vào Đức Chúa Trời” xuất hiện trên mọi loại tiền của Mỹ. Nhiều lời tuyên thệ chính thức, kể cả lời thề của Tổng thống đều có câu “Chúa giúp con”, người thề nguyện thường thực hiện bằng cách đặt bàn tay trái lên Kinh thánh. Ngoài ra, các phiên họp của Quốc hội Mỹ đều bắt đầu bằng buổi cầu kinh của một giáo sĩ và các phiên họp của Tòa án tối cao cũng bắt đầu bằng lời cầu nguyện

“Chúa cứu vớt nước Mỹ và Tòa án danh dự này”. Các chính khách ở Mỹ khi kết thúc của buổi diễn văn thường nói: “Chúa phù hộ nước Mỹ”. Ở Pháp, không có việc thể hiện nơi công cộng những biểu tượng tôn giáo như vậy.

Điều đó dẫn đến vấn đề mấu chốt là: mặc dù đều là các quốc gia thế tục, vì sao Pháp lại cấm thể hiện biểu tượng tôn giáo, còn Mỹ thì không ?

Rất ít vấn đề xã hội lại bao hàm cả nhiều lĩnh vực xã hội lẫn khoa học xã hội, đồng thời có ý nghĩa xã hội to lớn, như vụ “khăn trùm đầu” (Kastoriano, 2006). “Vụ” này liên quan đến các vấn đề lịch sử dân tộc, vị trí của tôn giáo, nguyên tắc về “*laïcité*” (một dạng của chủ nghĩa thế tục Pháp) và những hạn chế của nó cũng như vai trò của nhà trường trong việc “đồng hóa” con em những người nhập cư. Nó cũng dẫn đến vấn đề hòa nhập của Hồi giáo và những người nhập cư khác và đạo Hồi như một biểu hiện

văn hóa, tôn giáo như một thế lực chính trị xã hội bên trong và bên ngoài đất nước sinh ra nó. Nó cũng liên quan đến những nguyên tắc đạo đức như sự khoan dung và chấp nhận quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, quyền được khác biệt, được tự do cá nhân, tự do tôn giáo, quyền con người và giải phóng phụ nữ, quyền bình đẳng giới... Nó cũng có thể làm nảy sinh những vấn đề về tác động của chủ nghĩa đa văn hóa trong thực tế, việc tái thiết lập trật tự công cộng, xác định lại hợp đồng xã hội hay các “*Khế ước xã hội*” như Jean-Jacques Rousseau đã viết một cách khá mỉa mai, hoặc về quyền bình đẳng của công dân.

II. Luận điểm của tác giả trong hệ thống tư liệu

Nhiều học giả cố gắng tìm lời giải cho câu hỏi đặt ra ở trên. Trong số những lí do đưa ra, hai lập luận có vẻ nổi bật hơn cả là: tác động của những người nhập cư và bài trừ đạo Hồi trong dân Pháp và giải pháp lựa chọn hợp lý cho các chính sách của nhà nước đối với tôn giáo.

Lập luận thứ nhất cho rằng chính phủ Pháp quyết định thông qua Báo cáo của Stasi vì ngày càng có nhiều người nhập cư (phần lớn trong số đó là người Hồi giáo) đến Pháp và có sự bài trừ đạo Hồi ở mức độ nào đó trong các chính sách của nhà nước Pháp đối với Hồi giáo (Thomas 2006). Tuy nhiên, lập luận này có một số vấn đề. Trước hết, việc chống đối nhập cư và bài trừ Hồi giáo có khuynh hướng ngày càng tăng tại nhiều nước phương Tây như Anh, Đức, Hà Lan. Vấn đề là ở chỗ tại châu Âu, Pháp là nước có tỷ lệ người theo đạo Hồi trên số dân thấp nhất (1 trên 2670 so với 1/ 1071 ở Anh, 1/1375 ở Đức, hay 1/2375 ở Hà Lan (Fetzer & Soper 2003). Pháp không phải là nước duy nhất có khuynh hướng đó. Những khuynh hướng này, trong thời gian gần đây lại càng mạnh thêm do một số sự việc như vụ đánh bom khủng bố ở Anh hay ở Tây Ban Nha hoặc như vụ nhà làm phim Hà Lan Theo Van Gogh bị giết. Tuy nhiên, không nước nào trong số đó lại theo đuổi một chính sách khắc nghiệt đến thế đối với người dân theo đạo Hồi như ở Pháp. Hơn nữa, so với những nước phương Tây khác, Pháp cũng là nước khắt khe hơn đối với tôn giáo nói chung, bao gồm cả Thiên Chúa Giáo và sự khắt khe đó không thể giải thích bằng sự chống đối người nhập cư và bài trừ đạo Hồi nói riêng. Việc cấm sinh viên thể hiện các biểu tượng tôn giáo không chỉ nhằm vào những người theo đạo Hồi: đạo luật này cũng cấm cả việc đeo thánh giá của Thiên Chúa Giáo, mũ đội đầu của người Do thái và khăn trùm đầu của người Sikh. Pháp cũng là nước duy nhất ở Tây Âu không tổ chức giảng dạy khoa học tôn giáo trong nhà trường; đó cũng là tình trạng duy nhất ở Tây Âu với việc công khai thừa nhận chế độ thế tục như được nêu rõ trong hiến pháp: “Pháp là nước cộng hòa không thể chia cắt, thế tục, dân chủ và xã hội” (Kuru 2008).

Lập luận thứ hai là giải pháp dựa trên lý thuyết lựa chọn hợp lý. Những người lựa chọn phải dựa chủ yếu vào thiên vị cá nhân, sự tính toán hợp lý và áp lực từ cấu trúc xã hội của họ (Olson, 1984). Các nhà lý thuyết lựa chọn hợp lý cho rằng Pháp đi đến quyết định như vậy vì sự tính toán các chi phí cơ hội của những nhà cầm quyền dựa trên ưu tiên của họ đối với việc duy trì nền chính trị, giảm thiểu chi phí thực thi

luật và thành công trong phát triển kinh tế (Gill 2007 - Kalyvas 1996). Lập luận này cho rằng những nhà cầm quyền Pháp theo đuổi các chính sách đối với tôn giáo khắt khe hơn những nhà cầm quyền Mỹ, vì những chính sách như vậy giúp họ giảm thiểu chi phí cơ hội liên quan đến ba vấn đề này. Có thể thấy rằng cách giải thích đó chưa thỏa đáng. Từ quan điểm kinh tế học, không nên giải thích quyết định của những nhà cầm quyền Pháp bằng lý thuyết chi phí cơ hội: việc cấm khấn trùm đầu không mang lại lợi ích gì cho nền kinh tế Pháp, ngược lại, nó còn làm mất thời gian và công sức, chưa nói đến chuyện nó còn tạo ra chi phí để thực thi việc này. Từ quan điểm chính trị, viện cố kiểm soát cư dân theo đạo Hồi cũng có vẻ không phải là lựa chọn thích hợp. Những người theo đạo Hồi ở Pháp còn lâu mới có thể đảo lộn được thế cân bằng chính trị tại đây. Tỷ lệ những người đi lễ nhà thờ Hồi giáo hàng tuần (5%) và quan sát tôn giáo (10 - 12%) không khác biệt mấy với tỷ lệ những người đi lễ nhà thờ hàng tuần tại Pháp (10%). Về mặt quyền lực chính trị, những người theo đạo Hồi là nhóm ít quyền lực nhất trong hệ thống quyền lực chính trị ở Pháp. Trong số 331 thành viên Thượng viện chỉ có 2 người có nguồn gốc đạo Hồi và trong số 577 thành viên Hội đồng lập pháp không có đại biểu Hồi giáo nào (Khảo sát của CSA 2003). Chi phí cơ hội, bởi vậy sẽ không giải thích được vì sao Pháp lại dành tiền, thời gian và uy tín quốc tế (ít nhất là từ phía các nước Hồi giáo) cho vấn đề này (Le Monde 2003).

Do hệ thống tư liệu hiện có còn để lại lỗ hổng (các lập luận nêu trên không đưa ra được lời giải thích thỏa đáng cho câu hỏi nghiên cứu), phần phân tích tiếp theo, có thể sẽ lấp bớt khoảng trống đó bằng cách đưa ra câu trả lời và bảo vệ lời giải đáp này bằng cách giải thích vấn đề theo thể chế, sử dụng phương pháp path-dependent (xem xét lịch sử vấn đề theo tính hệ thống của thể chế) do James Mahoney¹ đề xuất.

III. Đề xuất lời giải

Có thể thấy sự khác nhau trong các chính sách đối với tôn giáo giữa hai nhà nước Pháp và Mỹ là kết quả của cuộc đấu tranh tư tưởng và đó chính là cuộc đấu tranh giữa “chủ nghĩa thế tục thụ động” và “chủ nghĩa thế tục chủ động” là điều gây ảnh hưởng lớn đến các chính sách công cộng. Chủ nghĩa thế tục thụ động đòi hỏi nhà nước đóng vai trò “thụ động” để tránh việc thiết lập bất cứ tôn giáo nào, cho phép tôn giáo công khai. Chủ nghĩa thế tục chủ động, ngược lại, cho rằng vai trò như một tác nhân của công cuộc kiến thiết xã hội hạn chế tôn giáo thành một lĩnh vực riêng biệt (Taylor, 1998; Mc Clay, 2002). Như vậy, chủ nghĩa thế tục thụ động là một nguyên tắc

¹ James Mahoney sinh năm 1977, lấy bằng Tiến sĩ tại Đại học California-Berkeley. Ông nghiên cứu xã hội học chính trị, tập trung vào so sánh sự phát triển của các quốc gia Mỹ Latin, xã hội học so sánh và lý thuyết vĩ mô, giải thích xã hội học lịch sử theo hướng quá trình. James Mahoney là tác giả của các công trình “The legacies of Liberalism; Path-Dependence and Political Regimes in Central America (Nhà xuất bản Đại học Johns Hopkins. 2001) và Comparative Historical Analysis in the Social Sciences (Nhà xuất bản Đại học Cambridge. 2003) với tư cách đồng chủ biên. Tuy còn trẻ, nhưng Mahoney được coi là một trong những nhà xã hội học chuyên ngành lý thuyết quá trình và so sánh lịch sử hàng đầu của xã hội học Mỹ. Mahoney chứng minh với thế giới rằng xã hội học Mỹ không chỉ thiên về các lý thuyết hiện đại và ứng dụng mà cũng không kém thành công trong cách lĩnh vực nghiên cứu khác như xã hội học lịch sử và so sánh.

chính trị thực tế cố gắng bảo vệ tính trung gian của nhà nước đối với các tôn giáo khác nhau, trong khi chủ nghĩa thế tục chủ động lại là một “học thuyết đầy đủ” tìm cách bài trừ tôn giáo ra khỏi lĩnh vực công cộng (Rawls, 1996).

Ở Pháp, chủ nghĩa thế tục chủ động chiếm vị trí độc tôn cho dù có những thách thức do những người theo chủ nghĩa thế tục thụ động đặt ra (Baubérot 2004). Tuy nhiên, ở Mỹ, những người theo chủ nghĩa thế tục chủ động, chẳng hạn những người vô thần Mỹ, lại chỉ là một nhóm nhỏ nên họ không thể gây ra những thách thức đối với những người theo chủ nghĩa thế tục thụ động chiếm ưu thế (Smith 2003). Chủ nghĩa thế tục thụ động hay chủ động trở nên thống lĩnh trong những trường hợp này là kết quả của những điều kiện lịch sử đặc biệt trong quá trình thiết lập nhà nước thế tục. Ở Pháp, sự hiện diện của chế độ cũ dựa trên sự kết hợp giữa nền quân chủ và tôn giáo bá chủ là nguyên nhân dồn nén lại từ việc nảy sinh thuyết chống giáo hội trong tầng lớp tinh hoa của những người cộng hòa. Mối quan hệ thù địch giữa những người cộng hòa và các thể chế tôn giáo là lý do của sự lấn át có tính lịch sử của chủ nghĩa thế tục chủ động. Nước Mỹ, tuy vậy lại là quốc gia tương đối mới của những người nhập cư và không có chế độ cũ. Điều đó là cơ sở cho thành phần tinh hoa của chủ nghĩa thế tục và tôn giáo tìm và đạt được sự nhất trí về việc tách nhà thờ và nhà nước ở mức độ liên bang. Điều này dẫn đến sự thống lĩnh của chủ nghĩa thế tục thụ động (Rawls, 2006; Hartz, 1955; Kuru, 2007).

Vì vậy, để hiểu được sự khác biệt giữa các chính sách nhà nước đối với tôn giáo của hai quốc gia trên, điều quan trọng là phải nhìn lại lịch sử, để xác định sự có tồn tại hay không một chế độ cũ dựa trên nền quân chủ và tôn giáo bá chủ, dẫn đến việc chủ nghĩa thế tục chủ động hay chủ nghĩa thế tục thụ động sẽ thống lĩnh. Sự khác biệt giữa những quá trình này ở Mỹ và ở Pháp sẽ được phân tích theo lý thuyết dựa trên tính hệ thống của thể chế của James Mahoney.

IV. Giải thích lịch sử vấn đề theo tính hệ thống của thể chế

Tầm quan trọng của giải pháp phân tích vấn đề theo tính hệ thống của thể chế trong việc tìm hiểu các hiện tượng chính trị và xã hội được nêu bật trong nghiên cứu của các nhà phân tích lịch sử so sánh. Những công trình ấy cho thấy rằng không thể giải thích các kết quả chủ yếu bằng những quá trình ngắn hạn hay trạng thái duy nhất và cân bằng, mà các con đường phát triển đôi khi có những điểm nhấn là những thời điểm quyết định trong đó những sự kiện nhỏ hoặc ngẫu nhiên lại có ảnh hưởng sâu sắc tới những sự kiện và những mô hình thay đổi tiếp theo (Mahoney, 2001). Rõ ràng là giải pháp dựa vào quá trình như vậy sẽ đưa ra lời giải thích đầy đủ hơn cho trường hợp ngoại lệ của Pháp trong việc hoạch định những chính sách và thái độ đối với tôn giáo.

Theo Mahoney, quan điểm về lịch sử vấn đề theo tính hệ thống của thể chế liên quan đến cách giải thích đặc biệt thể hiện qua một loạt giai đoạn liên tiếp. Điểm xuất phát là điều kiện lịch sử có từ trước - điều sẽ xác định phạm vi các lựa chọn vào thời điểm mấu chốt. Trong điểm lựa chọn mấu chốt này, hoặc là “*thời điểm quyết định*”, sự lựa chọn đặc biệt (chẳng hạn một chính sách, một liên minh, hoặc một thể chế nào đó)

được lựa ra để chọn trong số nhiều giải pháp khác. Sự lựa chọn này dẫn đến việc tạo ra một thể chế, thể chế đó được duy trì lâu dài và bền vững. Đến lượt nó sự bền vững của thể chế lại mở đầu một chuỗi phản ứng, gồm các phản ứng ủng hộ và phản đối, qua đó các giá trị của thể chế được đánh giá lại. Những phản ứng này, sau đó sẽ chuyển hướng phát triển tới điểm kết quả cuối cùng là sự hoà giải các phản ứng ủng hộ và chống đối ở giai đoạn trước².

Nói chung, địa vị thống trị của chủ nghĩa thế tục thụ động nếu có “sự nhất trí cao” (với sự đồng thuận của các bên), giữa các nhóm thế tục và tôn giáo, trong khi uy thế của chủ nghĩa thế tục chủ động là kết quả của mỗi xung khắc giữa những nhóm này. Một mặt, nếu các nhóm thế tục là các nhóm chống tôn giáo (theo nghĩa đối lập vai trò xã hội của tôn giáo) và các nhóm tôn giáo cố gắng duy trì trạng thái được họ thiết lập, rõ ràng là những nhóm này có quyền lợi đối lập nhau và mâu thuẫn có thể nảy sinh. Mặt khác, nếu các nhóm thế tục không chống đối tôn giáo và các nhóm tôn giáo không cố gắng giữ tôn giáo đã được thiết lập, những nhóm này có thể đi tới sự đồng thuận (Rawls, 1996). Lập luận tiếp theo dưới đây cho thấy trường hợp thứ nhất là ở Pháp, trường hợp thứ hai là ở Mỹ. Điều kiện quyết định có thể tác động xem những nhóm này đi tới sự đồng thuận hay xung đột chính là sự có hay không một chế độ cũ liên kết nền quân chủ và tôn giáo bá chủ (Kuru, 2007). Nếu chế độ cũ này tồn tại thì khó mà thuyết phục được các nhóm tôn giáo bá quyền thoả hiệp trên cơ sở bãi bỏ sự thiết lập tôn giáo của họ.

Ta hãy bắt đầu bằng việc xem xét những điều kiện trước đây của Mỹ. Mỹ là quốc gia bắt nguồn từ dân nhập cư, nơi những tinh hoa thế tục (như James Madison, Thomas Jefferson và George Washington) không tập trung vào việc loại bỏ nền quân chủ, cũng không coi tôn giáo là đồng minh (Hartz, 1955). Liên minh giữa nền quân chủ Anh và giáo phái Anh không tạo ra một chế độ cũ vì hai lí do: Thứ nhất, giáo phái Anh chỉ được thành lập trong sáu thuộc địa, trong khi bảy thuộc địa khác hoặc là thiết lập giáo đoàn nhà thờ, hoặc là không thiết lập nhà thờ nào. Thứ hai, thậm chí trong sáu thuộc địa đó, những nhà thờ giáo phái Anh trong suốt thời gian dài là rất nhỏ bé và việc kiểm soát của nhà thờ đối với các vấn đề liên quan đến tôn giáo chủ yếu vẫn là không đáng kể (Esbeck, 1457). Những điều kiện này đã tác động một cách cơ bản không chỉ lên tính khoan dung của các tầng lớp tinh hoa thế tục đối với vai trò cộng đồng của tôn giáo mà còn tác động lên cả sự cởi mở của các nhóm tôn giáo lên việc tách nhà thờ khỏi nhà nước ở cấp liên bang. Do không có sự bá chủ tôn giáo ở phạm vi quốc gia, các nhóm tôn giáo chấp nhận việc chia tách này mà không “luyện tiếc chế độ cổ trong quá khứ” (Bellah, 2005). Việc không có chế độ cổ và sự tồn tại của đa dạng tôn giáo đóng vai trò chủ đạo trong việc nổi lên của chủ nghĩa thế tục và tự do tôn giáo ở Mỹ như một quá trình chính trị mạnh dần lên.

² Về vấn đề này, xin xem bài “Những giải thích dựa theo tính hệ thống của thể chế (Path-dependent explanations) của sự thay đổi chế độ: Trung Mỹ trong viễn cảnh so sánh “của Mahoney trong cuốn” *Những nghiên cứu so sánh trong sự phát triển quốc tế* Spring 2001, Vol.36, No 1, pp. 111 - 141, 2001.

Ở Mỹ, những nhà sáng lập chủ nghĩa duy lý thế tục chịu ảnh hưởng bởi Thời đại khai sáng, trong khi những người theo phái Phúc Âm lại bị ảnh hưởng bởi Hành vi nhận thức vĩ đại. Noah Fedman³, chuyên gia nghiên cứu tôn giáo, cho rằng những nhà sáng lập chủ nghĩa duy lý thế tục không phải là những người chống tôn giáo và những người theo phái Phúc Âm lại cởi mở với việc tách tôn giáo khỏi nhà nước. Họ cũng có nền tảng tư tưởng chung dựa trên chủ nghĩa tự do của John Locke và suy nghĩ của một số nhà tư tưởng của đạo Tin Lành - những người ủng hộ việc tách tôn giáo khỏi nhà nước. Hai nhóm này đi tới sự nhất trí về việc tách nhà thờ khỏi nhà nước ở cấp liên bang như một công nhận chính thức trong luật Sửa đổi bổ sung thứ nhất và sự nhất trí này dẫn tới việc thống lĩnh của chủ nghĩa thế tục thụ động tại Mỹ (Kuru, 2007).

Ngược lại với Mỹ, tại Pháp, những người cộng hòa theo chủ nghĩa thế tục và những người theo đạo Thiên chúa bảo thủ không thể đi tới sự nhất trí như vậy.

Tại Pháp, cùng lúc có những người bị ảnh hưởng nặng nề của các tư tưởng của cuộc Cách mạng tư sản Pháp 1789, gồm cả những người chống giáo hội, những người theo chủ nghĩa thế tục và những ai có niềm tin vững chắc vào tư tưởng Thiên chúa giáo, gồm giới mục sư và những người ủng hộ bảo thủ trong chính trị và quan liêu (Baubérot 2004). Trong buổi đầu của nền Cộng hòa thứ Ba (1875 - 1905), những người cộng hòa theo chủ nghĩa thế tục như Jules Ferry, Bộ trưởng giáo dục, đã quyết định loại hàng nghìn giáo viên mục sư để giữ cho nền giáo dục được thế tục hóa cũng như đóng cửa 15 nghìn trường học Thiên chúa giáo mặc cho sự phản đối từ phía các những người Thiên chúa giáo bảo thủ bằng cách thông qua các Luật Hiến pháp của nền Cộng hòa thứ Ba cấm các tác động của nhà thờ lên nhà nước (Larkin 1973). Chủ nghĩa thế tục chủ động nổi lên như một tư tưởng thống lĩnh và là kết quả của những xung đột quyết liệt này.

Như đã nói ở trên, chủ nghĩa thế tục thụ động hay chủ động trở thành những tư tưởng thống lĩnh trong các giai đoạn quyết định của quá trình xây dựng nhà nước thế tục. Ở Mỹ, chính là giai đoạn từ Tuyên ngôn Độc lập tới Sửa đổi bổ sung lần thứ nhất, những tuyên bố đầu tiên với thế giới về các chính sách của Mỹ đối với tôn giáo được đưa ra (1776 - 91). Ở Pháp, đó chính là Luật Hiến pháp của nền Cộng hòa thứ Ba (1875 - 1905). Điều này cho thấy đó là những gì mà Mahoney gọi là “*các thời điểm quyết định*” khi chủ nghĩa thế tục chủ động hay thụ động thay thế các chế độ nhà nước - nhà thờ theo kiểu cũ và trở thành *các thể chế* có tính bền vững hoặc bị phản đối ở mức độ nhất định. Với sự bền vững đó, những thể chế mới được thành lập sẽ là những tư tưởng chủ đạo trong một thời gian dài.

Luận điểm về sự bền vững của các thể chế này sẽ được trình bày trong phần sau, khi những tư tưởng mới bị phản đối và bị xem xét lại tại hai quốc gia Mỹ và Pháp.

³ Về vấn đề này, xin xem bài “*Nguồn gốc trí thức của điều khoản Giới quyền ư*” của Noah Feldman. *Tạp chí Luật Đại học New York*, 77(tháng 5/2002).

Ở nước Mỹ, chủ nghĩa thế tục thụ động trở nên thống lĩnh và cho phép thể hiện tôn giáo công khai. Tuy nhiên, sự thật là có một số thay đổi trong chính sách của nhà nước đối với tôn giáo, cũng như ý nghĩa của những thay đổi trong chính sự trung tính của nhà nước. Từ cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19, trung tính chỉ hàm nghĩa là sự trung tính của chính quyền liên bang đối với giáo phái Tin Lành: các nhà thờ được thành lập và công nhận được bảo toàn trong một số bang cho đến 1833. Từ đó đến đầu thế kỷ 20, chủ nghĩa thế tục bao gồm cả sự trung tính đối với các giáo phái Tin Lành ở cả mức độ bang lẫn liên bang. Đồng thời có cả Tin Lành bán - thiết lập tách khỏi Thiên Chúa giáo. Chẳng hạn, trong một số trường học công cộng, các sinh viên được dạy bản Kinh thánh Tin Lành của King James. Đầu thế kỷ 20 là giai đoạn định nghĩa sự trung tính được xem xét lại, khi những người theo đạo Thiên chúa và Do thái hợp nhất với nhau (Smith, 2003). Từ những năm 50 của thế kỷ trước, có cuộc tranh luận mới về ý nghĩa của sự trung tính. Đối với những người ủng hộ việc phân tách nhà thờ với nhà nước, sự trung tính đòi hỏi tính vô tư của nhà nước đối với tất cả các loại tín ngưỡng và vô thần, trong khi đối với nhiều nhà thỏa hiệp, nhà nước chỉ cần trung tính đối với các tôn giáo một thần (Kuru, 2007).

Lịch sử của sự bền vững thể chế cũng tương tự như vậy tại Pháp. Như đã nói ở trên, dù gốc rễ sâu xa được thành lập từ thế kỷ 18, không phải đến đầu nền Cộng hòa thứ Ba (1875 - 1905), chủ nghĩa thế tục chủ động mới trở thành tư tưởng thống lĩnh ở Pháp. Và từ đó, chủ nghĩa thế tục chủ động đã tìm ra cách làm giảm tầm quan trọng của tôn giáo trong lĩnh vực xã hội mặc cho những chống đối quyết liệt của những người theo Thiên chúa giáo bảo thủ. Mâu thuẫn ở vụ khấn trùm đầu mới đây cũng gây ra một trào lưu mới của những nhà chính trị bảo thủ và sự phản đối của các nhà xã hội cấp tiến chống lại tư tưởng tồn tại đã lâu của chủ nghĩa thế tục chủ động (Baubérot, 2004). Tuy nhiên, không một thay đổi hình thức nào của luật lệ được đưa ra; luật cấm phô trương các biểu tượng tôn giáo vẫn có hiệu lực tại Pháp. Đó là bằng chứng chủ yếu cho thấy sự bền vững của chủ nghĩa thế tục chủ động tại Pháp trước những lời phản đối.

Với lập luận này ta có thể thấy rằng các thể chế của chủ nghĩa thế tục thụ động hay chủ nghĩa thế tục chủ động đều bị thách thức kể từ thời điểm quyết định khi chúng được thiết lập. Chúng trải qua những thay đổi luân phiên về ý nghĩa như ở nước Mỹ hoặc phải đối mặt với những thách thức to lớn từ các nhóm lựa chọn khác như ở Pháp. Mặc dù có những phản đối, chúng vẫn là những thể chế được duy trì bền vững có tác động lớn lên đời sống xã hội và đời sống tôn giáo cho đến ngày nay. Quá trình ấy thể hiện trong bảng sau:

| Quốc gia | Những điều kiện có trước | Thời điểm quyết định | Tính bền vững cấu trúc | Trình tự phản ứng | Kết quả |
|----------|--------------------------|----------------------|------------------------|-------------------|---------------|
| | Không có chế độ | Từ Tuyên ngôn | Hình thành chủ | Một số thay đổi | Chủ nghĩa thế |

| | | | | | |
|------|--|---|--|---|---|
| Mỹ | cũ và sự đồng thuận của đa tôn giáo. Những yếu tố này tạo điều kiện cho quá trình đi đến sự nhất trí giữa những người theo chủ nghĩa thế tục và các nhóm tôn giáo | Độc lập đến Sửa đổi lần thứ nhất (1776-91) | nghĩa thế tục thụ động do có sự nhất trí giữa các nhóm thế tục và tôn giáo | trong chính sách của nhà nước đối với tôn giáo cũng như ý nghĩa của những thay đổi trong chính sự trung tính của nhà nước | tục thụ động chiếm vị trí độc tôn |
| Pháp | Chế độ cũ với sự kết hợp của nền quân chủ và tôn giáo bá chủ dẫn đến quan hệ thù địch giữa những người cộng hoà muốn xoá bỏ mối liên kết này và những người Thiên Chúa giáo bảo thủ muốn duy trì liên kết đó | Luật Hiến pháp của nền Cộng hoà thứ Ba (1875-1905) quy định việc tách nhà thờ và nhà nước | Hình thành chủ nghĩa thế tục quyết đoán do những xung đột dữ dội giữa các nhóm thế tục và tôn giáo | Sự phản đối quyết liệt từ những người Thiên Chúa giáo bảo thủ. Những sự đối đầu do vụ khấn trùm đầu | Chủ nghĩa thế tục chủ động chiếm vị trí độc tôn |

V. Kết luận

Bài viết trình bày hai chính sách đối nghịch đối với việc thể hiện các biểu tượng tôn giáo và tôn giáo nói chung của hai quốc gia thế tục là Mỹ và Pháp. Trong khi các chính sách của Mỹ thể hiện sự khoan dung ở mức độ nhất định đối với tôn giáo thì ở Pháp các chính sách này lại rất nghiêm khắc.

Đã có nhiều học giả cố gắng tìm kiếm lý do của mâu thuẫn này bằng hai lập luận chính. Song cả hai lập luận đó đều có những hạn chế.

Sử dụng khung lý thuyết do Mahoney nêu ra, bài viết đã xem xét các quá trình trong đó tư tưởng tôn giáo được hình thành ở Mỹ và ở Pháp. Một số điểm khác biệt đã được phát hiện (trong đó điểm then chốt là việc chủ nghĩa thế tục chủ động chiếm vị trí độc tôn ở Pháp, trong khi chủ nghĩa thế tục thụ động lại thống lĩnh ở Mỹ). Những khác biệt đó có thể là nguyên nhân gây ra sự khác nhau về mặt hoạch định chính sách đối với tôn giáo tại hai quốc gia này.

Sự so sánh chỉ ở hai quốc gia là quá ít để đi tới kết luận tổng quát. Những nghiên cứu tiếp theo cần đi sâu vào các chính sách đối với tôn giáo tại các nước EU như Đức, Anh, Italy. Nếu như nhiều phương án khác được đặt ra, sự đối ngược với ngoại lệ ở Pháp sẽ còn sắc nét hơn.

Bài viết có thể là một gợi ý cho những nghiên cứu tiếp theo, trong đó có vấn đề về cơ chế, quan hệ giữa chủ nghĩa thế tục và tôn giáo. Tại Pháp, đạo luật Pháp cấm thể hiện các biểu tượng tôn giáo có thể vi phạm quyền con người hoặc tự do tôn giáo ở mức độ nào đó, tuy nhiên, điều cần phải bàn thêm là đạo luật này vẫn được coi là dân chủ vì nó được phần đông cử tri Pháp ủng hộ. Riêng điều ấy cũng cho thấy các đánh giá khác nhau trong mối quan hệ giữa dân chủ với thể chế chính trị và tôn giáo. Vấn đề này đang thực sự là một chủ đề quan trọng trong các phân tích xã hội học so sánh, không chỉ đặt ra với Mỹ và Pháp mà còn là vấn đề có tính quốc tế.

12/2009

Tài liệu tham khảo

1. Baubérot, Jean.2001. *The secular principle*. Images de la France (SIG), Publication of the Embassy of France in the U.S.
2. Baubérot, Jean.2004. *Histoire de la laïcité en France*. Paris, PUF 2004.
3. Bellah, Robert.2005. *Civil Religion in America*. Daedalus 1934 (Fall 2005).
4. Cesari, Jocelyne. 2006. *When Islam and Democracy Meet: Muslims in Europe and in the United States*. New York: Palgrave MacMillan. Pp.3-4, 29-42.
5. CSA Survey 2003. *Les Français et leur croyances*. La Vie, Le Monde, Mar.21.2003. Pp 41 -91.
6. Davis, Derek H. 2004. *Reacting to France's ban: Headscarves and other Religious Attire in American Public Schools*. Journal of Church and State (46). March 2004
7. Esbeck, Carl H.1457. *Dissent and Disestablishment: The Church-State Settlement in the Early American Republic*. BYU Law Review 30(2004).
8. Feldman, Noah. *The Intellectual Origins of the Establishment Clause*. New York University Law Review 77 (May 2002).
9. Fetzer, John S. and Christopher J.Soper. *The Roots of Public Attitudes toward State Accomodation of European Muslims' Religious Practices before and after September 11th*.
10. Journal for the Scientific Study of Religion. 42 (June 2003). Pp. 247-255.
11. Gill, Anthony.2007. *The Political Origins of Religious Liberty*. New York: Cambridge University Press. 2007
12. Gunn, Jeremy T. 2005. *French Secularism as Utopia and Myth*. Houston Law Review, 42 Spring 05, 92, n48.
13. Hartz, Louis.1955. *The Liberal Tradition in America*. San Diego: Harcourt Brace and Company. 1991.
14. Kalyvas, Stathis N.1996. *The Rise of Christian Democracy in Europe*. Ithaca, N.Y.: Cornell University Press
15. Kastoryano, Riva.2006. *French Secularism and Islam, the French headscarf affair*. In Tariq Modood, Anna Triandafyllidou, Ricard Zapata-Barrero's *Multiculturalism*,

- Muslims and citizenship: a European approach*. Routledge, UK 2006. Pp 58-69.
16. Kuru, Ahmet T. 2007. *Passive and Assertive Secularism. Historical Conditions, Ideological Struggles and State Policies toward Religion*. *World Politics* 59, July 2007. Pp 568-594.
 17. Kuru, Ahmet T. 2008. *Secularism, State Policies, and Muslims in Europe: Analyzing French Exceptionalism*. *Comparative Politics*, Volume 41 Number 1 October 2008.
 18. Larkin, Maurice. 1973. *Church and State after the Dreyfus Affair: The Separation Issue in France*. New York, Barnes and Nobles. 1973
 19. Le Monde,. 2003. *Laïcité, la décision de M. Chirac suscite des critiques à l'étrange*. Dec.22th 2003.
 20. McClay, Wilfred,. 2002. *Two Concepts of Secularism*. In Hugh Hecklo and Wilfred M. McClay, eds, *Religion Returns to the Public Square: Faith and Policy in America*. Baltimore: Johns Hopkins University Press.
 21. Olson, Mancur. 1984. *The Rise and Decline of Nations: Economic Growth, Stagflation, and Social Rigidities*. New Haven, Yale University Press.
 22. Rawls, John. 1996. *Political Liberalism*. New York: Columbia University Press.
 23. Release of the 2003 Annual Report on International Religious Freedom," December 18th 2003. <http://www.state.gov/s/d/rm/27404pf.htm>
 24. Release of the New Nation, Bangladesh independent news source. Internet Edition. July 5, 2009, Updated: Bangladesh Time 12:00 AM <http://nation.ittefaq.com/issues/2009/07/05/news0966.htm>
 25. Smith, Christian. 2003. *The Secular Revolution: Power, Interests, and Conflicts in the Secularization of American Public Life*. Berkeley: University of California Press. 2003.
 26. Smith D.E. 1999. *India as a secular state*. In *Secularism and Its Critics* edited by Rajeev Bhargava. Delhi: Oxford University Press.
 27. Taylor, Charles. 1998. Modes of Secularism. In *Secularism and Its Critics*, ed. Rajeev Bhargava, 31–53. New York and Delhi: Oxford University Press.
 28. Thomas, Elaine R. 2006. *Keeping identity at a distance: Explaining France's new legal restrictions on the Islamic headscarf*. *Ethnic and Racial Studies*. Vol.29 No. 2 March 2006. Pp. 237-259.